



TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ QUYỀN THAM GIA TRONG GIA ĐÌNH
DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA CHUẨN MỰC GIỚI

PARTICIPATION RIGHTS WITHIN THE FAMILY UNDER THE IMPACT OF GENDER NORMS:
A LITERATURE REVIEW

Lê Quang Ngọc*

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

*Email: lequangngoc.nlq@gmail.com

DOI: <https://doi.org/10.65934/mkusj.2026.44.1250>

Ngày nhận bài: 14/04/2026

Ngày phản biện: 08/05/2026

Ngày duyệt bài: 28/08/2026

TÓM TẮT

Gia đình là môi trường phản chiếu rõ nét nhất thực trạng giới trong xã hội, đồng thời chịu tác động của các chuẩn mực ứng xử đang vận động trong nhiều không gian xã hội khác nhau. Đóng góp vào diễn đàn thảo luận này, bài viết tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước về bình đẳng giới trong quyền tham gia các công việc trong gia đình giữa vợ và chồng, trong mối liên hệ với sự hình thành và lan tỏa của các chuẩn mực ứng xử xã hội, tập trung vào phân công lao động gia đình, quyền ra quyết định và sự chia sẻ trách nhiệm chăm sóc không được trả công. Bất chấp những tiến bộ về mặt nhận thức, kết quả cho thấy, trên thế giới cũng như ở Việt Nam, phụ nữ vẫn là nhóm đảm nhận phần lớn công việc nội trợ, chăm sóc con cái và người cao tuổi, dù mức độ tham gia của họ vào lao động có thu nhập ngày càng gia tăng. Thực tế này đòi hỏi một sự nhìn nhận sâu sắc hơn, bởi lẽ quyền tham gia trong gia đình không chỉ phản ánh sự phân chia công việc mà còn thể hiện quan hệ quyền lực, mức độ tự chủ và vị thế của vợ và chồng trong gia đình, đồng thời chịu ảnh hưởng bởi các chuẩn mực giới được duy trì và tái sản xuất trong cả không gian xã hội và môi trường trực tuyến. Qua quá trình phân tích, các nghiên cứu cũng chỉ ra rằng học vấn, thu nhập, việc làm, nơi cư trú, chuẩn mực giới và chính sách hỗ trợ chăm sóc là những yếu tố quan trọng tác động đến mức độ bình đẳng giới trong gia đình. Nhận diện rõ những yếu tố cốt lõi đó, bài viết nhấn mạnh sự cần thiết phải tiếp cận quyền tham gia trong gia đình như một chỉ báo quan trọng của bình đẳng giới thực chất, đồng thời gợi mở yêu cầu hoàn thiện thể chế, chính sách và truyền thông nhằm thúc đẩy sự chia sẻ công bằng hơn giữa vợ và chồng trong các công việc gia đình trong bối cảnh các chuẩn mực ứng xử đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ..

Từ khóa: Bình đẳng giới; quyền tham gia; chuẩn mực ứng xử; gia đình.

ABSTRACT

The family is the most visible setting reflecting gender relations in society, while also being influenced by evolving norms of conduct across different social spaces. Contributing to this academic discourse, this article reviews domestic and international studies on gender equality in participation in family work between husbands and wives, in relation to the formation and diffusion of social norms of conduct. The analysis focuses on the division of household labor, decision-making authority, and the sharing of unpaid care responsibilities. Despite progress in awareness, findings indicate that, both globally and in Vietnam, women continue to bear the majority of domestic chores, childcare, and eldercare, even as their participation in paid work has increased. This reality calls for a deeper understanding, as participation rights within the family not only reflect the distribution of tasks but also embody power relations, levels of autonomy, and the relative status of husbands and wives, while being shaped by gender norms reproduced across both offline and online environments. Through this review, existing studies highlight that education, income, employment, place of residence, gender norms, and care-support policies are key factors influencing the level of gender equality within the family. By identifying these core elements, the article emphasizes the need to approach participation in family work as a critical indicator of substantive gender equality, and suggests the importance of improving institutions, policies, and communication strategies to promote a more equitable sharing of family responsibilities in the context of shifting norms of conduct.

Keywords: Gender equality; participation; social norms of conduct; family.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Một chính phủ thực sự, trước khi ban hành một chính sách nào đó hiệu quả, luôn cần quan tâm đến khía cạnh về đặc thù giới và các chuẩn mực xã hội đang chi phối hành vi nhằm tính toán được độ bao phủ của chính sách sẽ tác động cũng như thấy được tính cần thiết, tính khả thi của chính sách hay có những điều chỉnh phù hợp cần thiết trên quy mô bình diện giới. Các báo cáo về đặc trưng giới hay các vấn đề liên quan đến khía cạnh giới và chuẩn mực ứng xử xã hội được đề cập là một phần không thể thiếu trong quá trình ra các quyết định chính sách này, giúp các chính sách đạt được hiệu quả tối đa. Quyền tham gia của nam giới và nữ giới trong gia đình là một chỉ báo quan trọng trong việc thúc đẩy bình đẳng giới ở Việt Nam, đồng thời phản ánh sự vận động của các chuẩn mực ứng xử từ không gian xã hội, bao gồm cả môi trường mạng.

Tại Việt Nam, trên cơ sở kế thừa Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2011-2020, thực hiện sự chỉ đạo của Đảng, Nhà nước về thực hiện mục tiêu bình đẳng giới, góp phần đạt được các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030, ngày 03/3/2021, Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030. Nghị quyết số 28/NQ-CP, của Chính Phủ, về *“Tiếp tục thu hẹp khoảng cách giới, tạo điều kiện, cơ hội để phụ nữ và nam giới tham gia, thụ hưởng bình đẳng trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần vào sự phát triển bền vững của đất nước”* đã nhấn mạnh quan điểm về bình đẳng giới trong đời sống gia đình và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới cụ thể như sau: *“Giảm số giờ trung bình làm công việc nội trợ và chăm sóc trong gia đình không được trả công của phụ nữ còn 1,7 lần vào năm 2025 và 1,4 lần vào năm 2030 so với nam giới”*. Bên cạnh đó *“Đến năm 2025 đạt 80% và đến 2030 đạt 90% người bị bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện được tiếp cận ít nhất một trong các dịch vụ hỗ trợ cơ bản; đến năm 2025 đạt 50% và đến năm 2030 đạt 70% người gây bạo lực gia đình, bạo lực trên cơ sở giới được phát hiện ở mức chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự được tư vấn, tham vấn”*.

Trên cơ sở đó, tiến tới xây dựng và triển khai các Chương trình nhằm thúc đẩy thực hiện bình đẳng giới và phòng ngừa, ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới: Truyền thông nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về bình đẳng giới trong cả không gian xã hội và không gian mạng... Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó. Bình đẳng giới được đánh giá dưới nhiều góc độ và được quy định tại Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11 ngày 29/11/2006. Bình đẳng giới trong lao động và việc làm và trong gia đình là một trong những nội dung quan trọng trong đánh giá bình đẳng về giới trong giai đoạn hiện nay. Ở nước ta, bình đẳng giới đã được cải thiện trong những năm gần đây. Tuy nhiên, vẫn còn khác biệt nhiều giữa thành thị và nông thôn; giữa các vùng kinh tế, đồng thời chịu tác động của các chuẩn mực ứng xử đang biến đổi trong bối cảnh số hóa.

Quyền tham gia các công việc trong gia đình phản ánh mối quan hệ giới trong gia đình và một phần thể hiện vai trò về bình đẳng giới (Bourdieu, 2001). Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện đại, vai trò giới trong gia đình đang chịu tác động của nhiều yếu tố như đô thị hóa, thay đổi cấu trúc gia đình (các gia đình có xu hướng thu nhỏ lại về số lượng các thành viên) và tiến trình bình đẳng giới cùng với sự lan tỏa của các chuẩn mực ứng xử từ không gian mạng. Tuy nhiên, theo nghiên cứu của Nguyễn Hữu Minh (2009, 2012, 2015) và Vũ Tuấn Huy (2014, 2019), sự phân công lao động trong gia đình vẫn duy trì những đặc điểm truyền thống, thể hiện sự bất bình đẳng đối với phụ nữ. Lao động nữ giới trong gia đình - phần lớn không được trả công - thường không được nhận lương và bị bỏ quên trong các công việc về sản xuất kinh tế, cũng như an sinh xã hội. Mặc dù lao động nữ trong gia đình có vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ tái sản xuất sức lao động của các thành viên trong gia đình và đóng vai trò chủ yếu trong việc chăm sóc các nhóm thành viên yếu thế hơn (người cao tuổi và trẻ em), các chuẩn mực giới vẫn tiếp tục được duy trì và tái sản xuất trong nhiều không gian xã hội khác nhau, bao gồm cả môi trường

trực tuyến. Bài viết là sản phẩm của đề tài nghiên cứu cấp cơ sở “Nhận thức, thái độ và hành vi của thanh niên Hà Nội liên quan đến nội dung Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội”, do ThS. Lê Quang Ngọc làm chủ nhiệm, Viện Xã hội học và Tâm lý học chủ trì thực hiện năm 2026. Trong khuôn khổ nghiên cứu về chuẩn mực ứng xử trong đời sống xã hội và không gian số, bài viết tiếp cận chuẩn mực giới trong gia đình như một dạng chuẩn mực xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến nhận thức, thái độ và hành vi của các cá nhân.

1. Tổng quan nghiên cứu quốc tế

Trong nhiều thập kỷ trở lại đây, các nghiên cứu quốc tế về bình đẳng giới trong gia đình đã chỉ ra rằng việc phụ nữ phải gánh vác phần lớn công việc không được trả công là một thực tế phổ biến và tồn tại dai dẳng. Dù phụ nữ tham gia ngày càng nhiều hơn vào lực lượng lao động, nhưng họ vẫn phải đảm nhận “ca làm thứ hai” với việc nhà, chăm con, chăm người cao tuổi... sau giờ làm việc chính thức (Hochschild, 1989; OECD, 2023). Fraser (1997) và Folbre (2001) cũng nhấn mạnh rằng công việc chăm sóc cần được nhìn nhận như một phần không thể tách rời của hệ thống kinh tế, và cần được tái định nghĩa để tăng cường công nhận xã hội đối với lao động của phụ nữ trong gia đình.

Các báo cáo của UN Women (2023), World Bank (2022), và ILO (2024) đều chỉ ra rằng việc chênh lệch thời gian làm việc không lương giữa nam và nữ (gender care gap) đang là một trong những trở ngại lớn nhất đối với mục tiêu bình đẳng giới và phát triển bền vững. Các giải pháp được đề xuất bao gồm: xây dựng hệ thống chăm sóc công đồng (public care infrastructure), mở rộng chế độ nghỉ phép cha mẹ có trả lương cho cả hai giới, và thúc đẩy sự tham gia của nam giới vào các công việc gia đình.

Ở châu Á, nghiên cứu của Ochiai (2009) và Esping-Andersen (1999) chỉ ra rằng các nước Đông Á như Nhật Bản, Hàn Quốc đều đối mặt với thực trạng phụ nữ vừa phải làm việc, vừa đảm nhận phần lớn công việc gia đình do ảnh hưởng của chuẩn mực giới truyền thống. Các nghiên cứu gần đây (Zhang & Ng, 2022; Park, 2023) tiếp tục chỉ ra rằng dù tỷ lệ nữ giới tham gia lao động tăng,

nhưng họ vẫn ít có cơ hội đưa ra các quyết định tại gia đình, đặc biệt trong các vấn đề tài chính, sở hữu tài sản và phân công lao động. Về mặt lý thuyết, khái niệm “quyền tham gia” trong gia đình được xem như một quan hệ xã hội phức tạp, được định nghĩa dưới dạng đa chiều: từ khả năng ảnh hưởng đến quyết định, khả năng tự chủ, cho đến khả năng từ chối, khả năng được tham vấn và được công nhận trong gia đình (Johnson, 1976; Markie, 2017; Chung & Longman, 2022). Nhiều nghiên cứu gợi ý rằng các mô hình phân quyền và tham gia trong gia đình cần được nhìn nhận là quá trình tương tác, thay vì một cấu trúc ổn định (Beckman-Brindley & Tavormina, 1978).

Theo báo cáo của OECD (2023), tại hầu hết các quốc gia, phụ nữ dành trung bình gấp đôi thời gian so với nam giới cho các công việc không lương như dọn dẹp nhà cửa, nấu ăn, chăm sóc con cái và người già. Ở Hàn Quốc, tỷ lệ này là 4,2 lần; tại Ấn Độ là 9,8 lần; trong khi ở Pháp và Canada, mặc dù mức chênh lệch đã thu hẹp, nhưng vẫn ở mức hơn 1,5 lần. UN Women (2023) và World Bank Gender Equality Report (2022) tiếp tục nhấn mạnh rằng sự bất bình đẳng này không chỉ là kết quả của chuẩn mực văn hóa truyền thống mà còn phản ánh những khiếm khuyết trong hệ thống chính sách hỗ trợ, như thiếu dịch vụ chăm sóc trẻ nhỏ, thời gian nghỉ thai sản không cân bằng giữa hai giới, và sự thiếu vắng chính sách thúc đẩy nam giới tham gia vào công việc chăm sóc.

Các nghiên cứu gần đây tại các quốc gia Đông Á như Nhật Bản, Hàn Quốc và Trung Quốc cho thấy, mặc dù nữ giới có trình độ học vấn và tỷ lệ tham gia lao động ngày càng cao, nhưng vẫn bị kỳ vọng là người “gánh vác chính” các công việc gia đình. Điều này dẫn đến “gánh nặng kép” và ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng cuộc sống cũng như cơ hội phát triển nghề nghiệp của họ. Tại Châu Âu, EIGE (European Institute for Gender Equality, 2022) cho biết, những quốc gia có tỷ lệ phân công lao động gia đình cân bằng hơn thường có mức độ hài lòng trong hôn nhân cao hơn và tỷ lệ sinh cao hơn - một gợi ý chính sách quan trọng trong bối cảnh dân số già hóa.

Các khái niệm hiện đại về “quyền tham gia”

trong gia đình cũng đã được làm rõ hơn theo hướng đa chiều. Chung & Longman (2022) xem quyền tham gia không chỉ là khả năng đưa ra quyết định mà còn bao gồm sự tự chủ, sự công nhận và khả năng ảnh hưởng đến cấu trúc quyền lực trong gia đình thông qua quá trình đàm phán, phân chia lại vai trò giới.

Các cá nhân thực hiện một mức độ quyền tham gia vào các công việc gia đình nhất định để kiểm soát cuộc sống và có ảnh hưởng đến việc ra quyết định trong các mối quan hệ của họ trong gia đình. Quyền tham gia là một khái niệm đa chiều, có thể liên quan đến các phẩm chất cá nhân, đặc điểm của mối quan hệ hoặc các khái niệm văn hóa-xã hội rộng lớn hơn, có tác động đến các nhóm trong xã hội. Hầu hết các định nghĩa về quyền tham gia đều đề cập đến mức độ ảnh hưởng của một người đối với người khác, thông qua việc sử dụng các nguồn lực và/hoặc khả năng thuyết phục người khác làm hoặc tin vào điều gì đó mà họ không nhất thiết phải tự nguyện làm hoặc tin tưởng (Johnson, 1976). Những định nghĩa này thường nhấn mạnh các tình huống trong đó một người chiếm ưu thế hơn người khác thông qua việc thể hiện tầm ảnh hưởng hoặc khả năng của một người trong việc đưa ra quyết định tham gia đối với từng cá nhân liên quan đến mối quan hệ (Markie, 2017).

Cuộc tranh luận về quyền tham gia giữa vợ và chồng, thường được hiểu là những khó khăn trong gia đình, không chỉ là biểu hiện những khó khăn của vợ chồng, liên quan đến kinh nghiệm từ gia đình, mà còn phản ánh những thông điệp văn hóa đặc trưng, kỳ vọng nội tâm về quan hệ giữa hai giới và chức năng của họ trong vai trò giới (Barbara, 2020).

Tất cả các gia đình đều có sự tham gia trong mức giới hạn vào các công việc nhất định. Nói cách khác, luôn có một số hình thức phân biệt đối xử về giới trong gia đình dựa trên quyền tham gia và địa vị của các cá nhân gia đình.

Về mối quan hệ liên quan đến quyền tham gia các công việc giữa các thế hệ, quyền tự chủ tham gia vào các công việc cụ thể trong gia đình của cha mẹ già đã gia tăng, nhưng quyền tham gia và ảnh hưởng của họ đối với con cái trưởng thành lại giảm

đi hiện nay. Xu hướng này có thể sẽ tiếp tục trong những thập kỷ tới. Lý thuyết nguồn lực được sử dụng để phân tích những thay đổi trong mối quan hệ về quyền tham gia vào các công việc trong gia đình của các cặp vợ chồng già. Tuy nhiên, hầu hết các nghiên cứu trong mối quan hệ về quyền được tham gia giữa các cặp vợ chồng lớn tuổi đều có một hạn chế quan trọng: chúng thường phản ánh những định nghĩa truyền thống về vai trò của nam giới và nữ giới. Những thay đổi gần đây trong các vai trò giới này có thể sẽ làm thay đổi đáng kể ý nghĩa xã hội của sự lão hóa đối với cả nam và nữ trong những năm tới (S Hesse-Biber, 1984).

Việc phân tích quyền tham gia trong gia đình cho thấy sự hiểu biết về mối quan hệ ràng buộc giữa các thành viên. Qua đó, nó cũng thể hiện hầu hết mọi khía cạnh của cuộc sống gia đình, bao gồm cả tính hiệu quả trong quá trình xã hội hóa, kiểm soát, duy trì lòng trung thành của các thành viên với gia đình (A.K.Lal, 2014).

Còn Paula E. Hollerbach thì khẳng định: Các quyết định về quy mô gia đình và điều hòa mức sinh được đưa ra trong hộ gia đình, tuy nhiên có rất ít nghiên cứu tập trung vào tác động của mối quan hệ quyền tham gia trong gia đình đối với các quyết định về nhân khẩu học (Paula E. Hollerbach, 1980).

Điều gì quyết định quyền tham gia trong gia đình? Nhiều nghiên cứu cho rằng sự phân công lao động trong gia đình đã góp phần làm phụ nữ phải phục tùng. Theo truyền thống, đàn ông kiểm soát được nhiều tiền hơn và có nhiều quyền tham gia hơn trong gia đình, trong khi một số phụ nữ chỉ phụ thuộc vào sự hỗ trợ tài chính của chồng.

Tuy nhiên, nhiều phụ nữ ngày nay đang làm việc nhiều như nam giới và kiếm được rất nhiều tiền. Khi phụ nữ mang nhiều tiền hơn về nhà, họ sẽ cảm thấy tự do hơn khi đưa ra quyết định về việc vợ chồng làm gì với khoản thu nhập đó (Nora F. Almosaed, 2008).

Về vấn đề này, lấy ví dụ tại một quốc gia Trung Đông điển hình, Nora F. Almosaed đã lập luận rằng: truyền thống gia trưởng trong gia đình Ả Rập Xê Út đang trong quá trình chuyển đổi, đàn ông có xu hướng chia sẻ quyền tham gia và trách nhiệm với phụ nữ, còn những người phụ nữ cũng có xu

hướng đóng góp ngày càng nhiều hơn vào nhu cầu tài chính của gia đình. Tuy nhiên, gia đình Ả Rập Xê Út vẫn có cấu trúc phụ hệ và phân cấp. Dựa trên mẫu nghiên cứu gồm 160 phụ nữ làm việc ở những địa điểm, ngành nghề và mức thu nhập khác nhau, kết quả nghiên cứu cho thấy: phần lớn các cặp vợ chồng đang đi làm đều có tài khoản ngân hàng cá nhân, phần lớn phụ nữ chia sẻ trách nhiệm tài chính gia đình thông qua thỏa thuận trước với người chồng và phần lớn những người được hỏi đều có những thỏa thuận riêng trong tương lai, do đó có tài khoản tiết kiệm cá nhân. Phụ nữ dường như phải gánh chịu phần trách nhiệm tài chính đối với quần áo, thực phẩm, chi phí học tập, tiền lương và hoạt động du lịch, giải trí cho đến việc trả góp ngân hàng và/hoặc ô tô. Công việc được trả lương cũng giúp phụ nữ có cơ hội tham gia vào việc ra quyết định trong gia đình, phần lớn phụ nữ đi làm đều tham gia cùng chồng trong việc đưa ra các quyết định liên quan đến cuộc sống hàng ngày và tương lai gia đình, đó là quyền quản lý hoặc thực hiện tài chính, trong khi nam giới vẫn có quyền kiểm soát hoặc điều phối chiến lược. Cuối cùng, gần 60% số người được hỏi cảm thấy rằng phụ nữ đang đi làm tốt hơn phụ nữ không đi làm khi nói đến quyền tham gia và ra quyết định trong gia đình (Nora F. Almosaed, 2008).

Thông thường, quyền tham gia giữa vợ và chồng trong gia đình được xác định theo việc vợ hoặc chồng thì ai là người thường xuyên đưa ra quyết định cuối cùng nhất (Margaret E. Madden, 2016).

Sự cân bằng sức mạnh hôn nhân bị ảnh hưởng bởi tác động của các nguồn lực kinh tế xã hội và những kỳ vọng về văn hóa nhóm. Các biến số kinh tế xã hội bao gồm: giáo dục, tuổi tác, tình trạng nghề nghiệp, thu nhập cá nhân, thu nhập gia đình, khu vực sống ở thành thị/nông thôn, số năm kết hôn và sự hiện diện/số lượng con cái được đưa ra trong công trình nghiên cứu của nhóm tác giả Zsolt Varga. Với cộng đồng dân cư tại Nhật Bản, kết quả nghiên cứu cho thấy: quyền tham gia của người vợ bị ảnh hưởng đáng kể trong tất cả các giai đoạn bởi thu nhập cá nhân và các khía cạnh cụ thể trong định hướng vai trò giới tính của họ. Mặt khác, quyền tham gia của người chồng không

bị ảnh hưởng bởi nhận thức của họ về các chuẩn mực vai trò mà chỉ bị ảnh hưởng bởi độ tuổi của họ. Trái ngược với mong đợi, tác động của giáo dục, nghề nghiệp và tình trạng việc làm là không đáng kể trong bất kỳ trường hợp nào, mở ra một cuộc thảo luận để so sánh giữa các nền văn hóa (Zsolt Varga, 2019).

Lý thuyết hệ thống cũng được vận dụng trong các nghiên cứu về quyền tham gia trong gia đình, đặc biệt là tại công trình nghiên cứu của nhóm tác giả Ogolsky, (2019). Mỗi quan hệ hôn nhân thường được coi là cốt lõi và có ảnh hưởng sâu sắc đến gia đình. Và quyền tham gia giữa cha và mẹ được đánh giá là ảnh hưởng sâu sắc đến các thành viên khác. Dựa trên lý thuyết về hệ thống có thể thấy rằng: thứ bậc gia đình là nền tảng và phản ánh cấu trúc quyền tham gia trong gia đình.

Quyền tham gia trong gia đình cũng có cách thể hiện khác nhau giữa các thế hệ. Kết quả nghiên cứu do Sharlene Hesse-Biber và John Williamson thực hiện năm 1984 cho thấy: có sự thay đổi trong cán cân quyền tham gia giữa cha mẹ già và con cái ở độ tuổi trung niên. Về mối quan hệ quyền tham gia giữa các thế hệ, nhóm tác giả khẳng định quyền tự chủ của cha mẹ già đã tăng lên nhưng quyền tham gia và ảnh hưởng của họ đối với con cái trưởng thành lại giảm đi. Xu hướng này có thể sẽ tiếp tục trong những thập kỷ tới. Lý thuyết nguồn lực sau đó được sử dụng để phân tích những thay đổi trong mối quan hệ sức mạnh hôn nhân khi các cặp vợ chồng già đi. Sự biến đổi về những vai trò này có thể làm thay đổi đáng kể ý nghĩa xã hội của sự lão hóa đối với cả nam giới và phụ nữ trong những năm tới. Cuộc sống gia đình là sự cho đi và nhận lại. Nhưng ai cho, ai nhận? Những vấn đề như vậy được giải quyết bằng một quá trình đàm phán và thương lượng. Quyền tham gia bị ràng buộc chặt chẽ trong quá trình này. Như vậy, khái niệm quyền tham gia là chìa khóa để hiểu các mối quan hệ gia đình. Lão hóa có những ảnh hưởng phức tạp đến cơ cấu quyền tham gia của gia đình, vì thời gian trôi qua ảnh hưởng đến các thành viên một cách khác nhau. Ví dụ, con cái trưởng thành thường có quyền tham gia tương đối so với cha mẹ già. Sự thay đổi cán cân quyền tham gia giữa vợ chồng trở nên phức tạp do những tác động khác biệt mà

tuổi tác gây ra đối với quyền tham gia cá nhân của nam giới và phụ nữ.

Đặc biệt, nghiên cứu toàn cầu của UN Women & ILO (2024) đã khẳng định rằng khi nam giới tăng mức tham gia vào công việc gia đình, không chỉ giảm áp lực cho nữ giới mà còn góp phần làm giảm các hành vi bạo lực trên cơ sở giới, tăng tính ổn định trong hôn nhân và thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội bền vững.

2. Những nghiên cứu trong nước

Quyền tham gia là một khía cạnh cơ bản của tất cả các mối quan hệ của con người. Từ năm 1960, đã có một chương trình nghị sự đối thoại liên tục giữa các nhà khoa học xã hội nhằm tìm kiếm cách thức xác định, đo lường, giải thích, và hiểu được hệ quả của sự khác biệt về quyền tham gia trong quan hệ vợ chồng (Trần Hạnh Minh Phương, 2017). Quyền tham gia trong gia đình được cụ thể hóa là quyền ra quyết định được tham gia các vấn đề trong gia đình, được các nhà xã hội học gia đình xem là một chỉ báo quan trọng để hiểu được chức năng của gia đình như một tế bào của xã hội. Quyền tham gia trong gia đình đã được xác định và đo lường theo nhiều cách khác nhau. Các định nghĩa đầu tiên và phổ biến nhất của quyền tham gia là khả năng của người chồng/vợ thuyết phục được người kia để được làm những điều mà mình muốn, ngay cả khi người kia có phản đối (Trần Hạnh Minh Phương, 2017).

Theo Nguyễn Hữu Minh (2012), tại khu vực nông thôn, phụ nữ có quyền tham gia nhiều vào các hoạt động sản xuất nông nghiệp nhưng thường bị giới hạn trong các công việc hỗ trợ như gieo trồng, thu hoạch, chăm sóc vật nuôi, trong khi nam giới có quyền tham gia và đóng vai trò chính trong các công việc nặng nhọc và sản xuất cơ giới hóa trong nông nghiệp. Đây là xu hướng tương đồng với các nước đang phát triển như Ấn Độ, Kenya và Indonesia (Chant, 2008; Deere & Doss, 2006). Bên cạnh đó, Vũ Tuấn Huy (2019) cũng chỉ ra rằng, lao động nữ trong nông nghiệp chịu sức ép kép: vừa phải lao động sản xuất, vừa đảm nhận việc nhà mà không có sự hỗ trợ tương xứng từ nam giới.

Theo khảo sát của Nguyễn Hữu Minh (2015), phụ nữ dành trung bình 4-5 giờ mỗi ngày cho các

công việc gia đình, gấp đôi thời gian so với nam giới. Trong khi đó, nam giới có quyền tham gia vào các công việc không yêu cầu tính liên tục như sửa chữa đồ đạc hoặc đi chợ vào cuối tuần mặc dù phụ nữ không có quyền được tham gia nhiều như nam giới vào các công việc mang tính thời vụ như vậy.

Tại Việt Nam, nam giới có quyền tham gia chính vào các quyết định về sử dụng một khoản tài chính lớn trong gia đình, đặc biệt ở khu vực nông thôn (Nguyễn Hữu Minh, 2020). Xu hướng này được phản ánh có nhiều nét tương đồng với quyền tham gia giữa hai giới vào các công việc trong gia đình ở nhiều quốc gia Đông Á và châu Phi (UN Women, 2019). Tuy nhiên, tại khu vực đô thị, những gia đình trẻ với trình độ học vấn cao hơn có xu hướng có quyền tham gia bình đẳng hơn trong việc ra các quyết định về tài chính và quản lý chi tiêu cho sinh hoạt chung trong gia đình (Nguyễn Hữu Minh, 2020; Vũ Tuấn Huy, 2014).

Một mặt khác, Nguyễn Hữu Minh (2009) cho rằng, phụ nữ trung niên và cao tuổi thường đảm nhận nhiều trách nhiệm hơn trong các công việc gia đình so với nam giới cùng độ tuổi. Nam giới trẻ có xu hướng dành ít thời gian hơn cho các công việc trong gia đình.

Các chuẩn mực xã hội và định kiến về giới truyền thống vẫn quy định “phụ nữ lo việc nhà, đàn ông lo việc lớn”, những định kiến này ảnh hưởng sâu sắc đến quyền tham gia vào các công việc lao động trong gia đình (Nguyễn Hữu Minh, 2015; Vũ Tuấn Huy, 2019).

Trình độ học vấn, thu nhập và việc làm tác động lớn đến quyền quyết định và phân công lao động (Nguyễn Thị Minh Nguyệt, 2021; West & Zimmerman, 1987). Những người có trình độ học vấn cao hơn thì có quyền tham gia và dành nhiều thời gian chia sẻ các công việc trong gia đình nhiều hơn. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của Vũ Tuấn Huy (2014) đã cho thấy, dù có học vấn cao hơn, phụ nữ vẫn không có quyền được từ chối tham gia trong việc chăm sóc nhà cửa và con cái và họ được xã hội kỳ vọng có trách nhiệm phải làm những chuyện như vậy để duy trì sự ổn định trong gia đình.

Phụ nữ có công việc ổn định vẫn phải gánh thêm phần công việc không được trả công trong gia đình, trong khi nam giới ít bị áp lực chia sẻ các công việc trong gia đình (Nguyễn Hữu Minh, 2012).

Chuẩn mực giới truyền thống như “giỏi việc nước, đảm việc nhà” tạo nên áp lực vô hình đối với phụ nữ ở Việt Nam và các quốc gia trên thế giới. Các nghiên cứu ở Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam đều cho thấy các khuôn mẫu giới này có sự ảnh hưởng nhất định tới sự phân công lao động theo giới và gia tăng yếu tố bất bình đẳng theo giới (Ochiai, 2009; Trần Thị Thu Trang, 2018). Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ về giới (như nghỉ thai sản, hỗ trợ nuôi con nhỏ) có thể giúp cải thiện sự chia sẻ công việc trong gia đình của nam giới đối với phụ nữ (World Bank, 2022; UNDP, 2018). Phụ nữ đã kết hôn, đặc biệt là có con nhỏ, chịu nhiều áp lực từ cả công việc xã hội lẫn trách nhiệm trong các công việc trong gia đình (Nguyễn Hữu Minh, 2014).

Theo Vũ Tuấn Huy (2019), tình trạng có con nhỏ phải chăm sóc và dạy dỗ là một yếu tố quan trọng làm gia tăng trách nhiệm và thời gian chăm sóc gia đình đối với phụ nữ. Một bộ phận phụ nữ có con phải chấp nhận nghỉ việc hoặc làm các công việc bán thời gian hoặc các công việc phi chính thức và “dễ bị tổn thương” để dành thời gian nhiều hơn cho gia đình.

Gia đình có thu nhập cao có khả năng thuê người giúp việc, nhưng điều đó không đồng nghĩa với việc nam giới tham gia và dành nhiều thời gian hơn vào các công việc trong gia đình (Minh, 2018).

Tại các khu vực đô thị, phân công lao động theo giới trong gia đình có xu hướng bình đẳng hơn so với khu vực nông thôn. Trong các gia đình ở khu vực nông thôn, quan niệm truyền thống và chuẩn mực giới vẫn chi phối phụ nữ làm cho phụ nữ phải dành nhiều thời gian làm các công việc gia đình hơn so với nam giới (Nguyễn Hữu Minh, 2015; Huy, 2014).

Theo Minh (2009), tại khu vực nông thôn, phụ nữ vẫn được đánh giá theo các chuẩn mực về giới như “tàn tảo, hy sinh, chịu thương chịu khó”, khiến họ phải đảm nhận phần lớn các công việc trong

gia đình mà ít có tiếng nói về quyền phân công lao động theo hướng bình đẳng hơn với người chồng.

Tại Việt Nam, nhiều nghiên cứu của Nguyễn Hữu Minh, Trần Thị Minh Thi và Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới đã hệ thống hóa lại các biểu hiện bất bình đẳng giới trong gia đình từ góc độ xã hội học. Các nghiên cứu chỉ ra rằng, trong khi phụ nữ vẫn đảm nhận đa số công việc nội trợ và chăm sóc (4-5 giờ/ngày), thì nam giới chỉ tham gia khi rảnh rỗi hoặc có tính chất đột xuất (như việc: sửa chữa đồ đạc, đi chợ cuối tuần) (Nguyễn Hữu Minh, 2015; 2020).

Điều tra quy mô quốc gia về Bình đẳng giới năm 2024 cho thấy tỷ lệ phụ nữ được tham gia vào quyết định tại gia đình cao hơn ở khu vực đô thị, nhưng vẫn thấp hơn so với nam giới trong các quyết định quan trọng về tài chính và sở hữu (Trần Thị Minh Thi, 2024). Các phát hiện cũng chỉ ra mối liên hệ giữa chuẩn mực xã hội truyền thống với phân công lao động theo giới trong gia đình. Những nghiên cứu gần đây cũng đề xuất cần xây dựng chỉ số tổng hợp về bình đẳng giới trong gia đình, bao gồm cả tiêu chí về quyết định, thời gian lao động không lương, tính công nhận, và điều kiện tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ (Nguyễn Hữu Minh, 2024). Ngoài ra, một số nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới tại các vùng dân tộc thiểu số cũng chỉ ra rằng văn hóa phụ hệ hoặc mẫu hệ ảnh hưởng rõ nét đến việc phân chia tài sản, đất đai, và quyết định trong gia đình. Tuy nhiên, cũng có dấu hiệu dịch chuyển theo hướng công bằng hơn giữa con trai và con gái trong những gia đình có học vấn cao hơn hoặc sinh sống tại khu vực thành thị.

Từ các góc độ khác nhau, các nghiên cứu đều cho thấy sự cần thiết phải xét lại không chỉ vai trò mà còn cả quyền tham gia của các thành viên trong gia đình, như là một chỉ số quan trọng để đánh giá mức độ bình đẳng giới thực chất. Quy trình phân quyền cần được nhìn dưới góc độ tương tác, linh hoạt và được hỗ trợ bằng thể chế chính sách, giáo dục và truyền thông.

KẾT LUẬN

Trên thế giới, các nghiên cứu đã cho thấy rằng quyền tham gia vào các công việc gia đình theo

giới là một chỉ báo quan trọng phản ánh mức độ bình đẳng giới trong xã hội. Sự chênh lệch trong phân công lao động không lương giữa nam và nữ không chỉ là vấn đề riêng tư trong gia đình mà còn liên quan đến cấu trúc kinh tế, chính sách phúc lợi, cũng như các chuẩn mực văn hóa - xã hội, bao gồm cả chuẩn mực ứng xử trong không gian mạng. Ở nhiều quốc gia, mặc dù có sự cải thiện trong vai trò giới, song phụ nữ vẫn đảm nhận phần lớn trách nhiệm trong công việc nội trợ và chăm sóc không lương. Các bằng chứng quốc tế đồng thuận rằng để thu hẹp khoảng cách này, cần có hệ thống hỗ trợ toàn diện như dịch vụ chăm sóc công, chế độ nghỉ phép cha mẹ bình đẳng, và chính sách khuyến khích nam giới chia sẻ công việc gia đình.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu cho thấy quyền tham gia vào công việc gia đình vẫn nghiêng về phía phụ nữ, đặc biệt trong các hoạt động chăm sóc và nội trợ. Mặc dù các gia đình trẻ ở đô thị có xu hướng chia sẻ nhiều hơn, nhưng ở nông thôn và trong các hộ gia đình truyền thống, mô hình phân công vẫn giữ nguyên định kiến về vai trò giới, đồng thời chịu tác động của các chuẩn mực ứng xử đang biến đổi trong bối cảnh số hóa. Phụ nữ không chỉ chịu gánh nặng kép khi vừa tham gia lao động xã hội vừa thực hiện phần lớn công việc gia đình, mà còn gặp hạn chế trong việc đưa ra các quyết định quan trọng. Điều này ảnh hưởng trực tiếp đến cơ hội phát triển cá nhân và nghề nghiệp của họ, đồng thời làm chậm lại quá trình tiến tới bình đẳng giới thực chất.

Quyền tham gia trong gia đình không đơn thuần là vấn đề phân công việc nhà, mà là một cấu phần quan trọng của bình đẳng giới và phát triển xã hội bền vững, gắn với sự vận động của các chuẩn mực ứng xử trong các không gian xã hội khác nhau. Để đạt được sự chuyển biến thực chất, cần một chiến lược tổng thể từ thể chế đến văn hóa: bao gồm cải cách pháp luật, đổi mới chính sách, nâng cao nhận thức cộng đồng và chuyển đổi hành vi của từng cá nhân trong gia đình. Bình đẳng giới trong gia đình không thể đạt được trong thời gian ngắn mà là một tiến trình lâu dài, đòi hỏi sự cam kết đồng bộ từ cả hệ thống chính trị - xã hội lẫn nỗ lực tự thân của mỗi gia đình.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Almosaed, N. F. (2008). Money and power in Saudi family. *JKAU: Arts & Humanities*, 16(2), 61-87.
- Beckman-Brindley, S., & Tavormina, J. B. (1978). Power relationships in families: A social-exchange perspective. *Family Process*, 17(4).
- Bourdieu, P. (2001). *Masculine domination*. Stanford University Press.
- Budlender, D. (2008). *The statistical evidence on care and non-care work across six countries*.
- Chant, S. (2008). The 'feminisation of poverty' and the 'feminisation' of anti-poverty programmes: Room for revision?.
- Chung, H., & Longman, K. (2022). The multi-dimensional nature of power in family decision-making: A negotiation perspective. *Journal of Marriage and Family*, 84(5), 1182-1197.
- Doss, C., & Deere, C. D. (2006). *The gender asset gap: What do we know and why does it matter?*.
- EIGE - European Institute for Gender Equality. (2022). *Gender equality index 2022: The work-life balance*. Publications Office of the European Union.
- Elson, D. (2002). *Gender justice, human rights and neoliberal economic policies*.
- Esping-Andersen, G. (1999). *Social foundations of postindustrial economies*. Oxford University Press.
- Folbre, N. (2001). *The invisible heart: Economics and family values*.
- Fraser, N. (1997). *Justice interruptus: Critical reflections on the 'postsocialist' condition*.
- Fraser, N. (2014). Can society be commodities all the way down?.
- Fuwa, M., & Cohen, P. N. (2022). Housework, wages, and gendered time use in cross-national perspective. *Sociology Compass*, 16(7), Article e12974.
- Gornick, J. C., & Meyers, M. K. (2003). *Families that work: Policies for reconciling parenthood and employment*.
- Hesse-Biber, S., & Williamson, J. (1984a). Resource theory and power in families: Life cycle considerations. *Family Process*, 23(2), 261-278.
- Hesse-Biber, S., & Williamson, J. (1984b). Resource theory and power in families: Life cycle considerations. *Fam Proc*.
- Hochschild, A. R. (1989). *The second shift*. Viking.
- Hollerbach, P. E. (1980). Power in families, communica-

- tion, and fertility decision-making. *Population and Environment*, 3, 146-173.
- Hooks, B. (2000). *Feminism is for everybody*. South End Press.
- Huy, V. T. (2014a). Phân công lao động trong gia đình Việt Nam hiện đại. *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*.
- Huy, V. T. (2014b). Vai trò giới trong các quyết định gia đình nông thôn Việt Nam. *Tạp chí Khoa học Xã hội*.
- Huy, V. T. (2019a). *Bình đẳng giới trong gia đình từ thực tiễn nông thôn*. NXB Chính trị quốc gia.
- Huy, V. T. (2019b). *Giới, quyền tham gia và bất bình đẳng trong gia đình*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- ILO. (2018). *Care work and care jobs for the future of decent work*.
- Jackson, C. (1998). Rescuing gender from the poverty trap. *World Development*.
- Johnson, P. (1976). Women and power: Toward a theory of effectiveness. *Journal of Social Issues*, 32(3), 99-110.
- Józefik, B. (2020). On the issues of power in the family and family therapy. *Psychiatr Pol*, 54(4), 777-789.
- Kabeer, N. (2003). *Gender mainstreaming in poverty eradication and the millennium development goals*.
- Lal, A. K. (2014). Locus of power in the family.
- León, M., & Mejía, L. (2024). Redistributing unpaid care work: Policy impacts in Latin American families. *Social Politics: International Studies in Gender, State & Society*, 31(1), 85-106.
- Madden, M. E. (2016). Perceived control and power in marriage: A study of marital decision making and task performance. *Personality and Social Psychology Bulletin*, 13(1).
- Mas'udah, S. (2021). Power relations of husbands and wives experiencing domestic violence in dual-career families in Indonesia. *Millennial Asia*, 1-23.
- Minh, N. H. (2009). Phân công lao động theo giới trong gia đình Việt Nam. *Tạp chí Xã hội học*.
- Minh, N. H. (2012a). *Phụ nữ và nông nghiệp nông thôn*. Viện Xã hội học.
- Minh, N. H. (2012b). Vai trò giới và lao động nông thôn. *Tạp chí Xã hội học*.
- Minh, N. H. (2014). *Gia đình và giới: Thực trạng và xu hướng*. NXB Khoa học xã hội.
- Minh, N. H. (2015a). *Biến đổi vai trò giới trong gia đình đô thị*. NXB Khoa học xã hội.
- Minh, N. H. (2015b). *Giới và gia đình trong xã hội Việt Nam hiện đại*. NXB Khoa học xã hội.
- Minh, N. H. (2018). Giới và phân công lao động trong gia đình Việt Nam hiện đại. *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và Giới*.
- Minh, N. H. (2020a). Các xu hướng giới trong gia đình đô thị. *Tạp chí Xã hội học*.
- Minh, N. H. (2020b). Tác động của yếu tố kinh tế đến vai trò giới trong gia đình. *Tạp chí Xã hội học*.
- Minh, N. H. (2024). *Nghiên cứu xã hội học về giới và gia đình*. Viện Xã hội học.
- Nguyệt, N. T. M. (2021). Ảnh hưởng của thu nhập và học vấn đến phân công lao động theo giới. *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*.
- Ochiai, E. (2009). *Care and gender: Contemporary Japan and East Asia*. Kyoto University.
- OECD. (2020). *Balancing paid work, unpaid work and leisure*.
- OECD. (2023). *Women still do most of the housework, across all countries*. OECD Gender Data Portal. <https://www.oecd.org/gender/data/women-still-do-most-of-the-housework.htm>
- Ogolsky, B. G., Whittaker, A. M., & Monk, J. K. (2019). Power in families. In *Power in close relationships* (pp. 143-172). Cambridge University Press.
- Park, M. J. (2023). Double burden and gender inequality in South Korea: Evidence from the Korean Time Use Survey. *Journal of Family Issues*, 44(1), 45-68.
- Phuong, T. H. M. (2017). Việc ra quyết định các vấn đề của gia đình ở Đồng bằng sông Cửu Long trong mối quan hệ giới. *Tạp chí Khoa học Trường đại học Cần Thơ*, 96-107.
- Rao, N. (2017). Gendered time, seasonality and nutrition. *IDS Bulletin*.
- Razavi, S. (2007). *The political and social economy of care in a development context*.
- Sen, A. (1990). Gender and cooperative conflicts. In *Persistent inequalities*.
- Standing, G. (1999). *Global labour flexibility: Seeking distributive justice*.
- Taylor, V. (2004). *Gender mainstreaming in development planning*.
- Thi, T. T. M. (2024). *Điều tra quốc gia về bình đẳng giới trong gia đình*. Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới.

- Trang, T. T. T. (2018). Chuẩn mực giới và hành vi chăm sóc trong gia đình Việt Nam. *Tạp chí Giới và Phát triển*.
- Twist, M. L. C., & Murphy, M. J. (2017). Power in family systems theory. In *Encyclopedia of Couple and Family Therapy* (pp. 1-5).
- UN Women & ILO. (2024). *Care, equality and gender-transformative policies: Global synthesis report*. UN Women & ILO.
- UN Women. (2019). *Progress of the world's women*.
- UN Women. (2023). *Progress on the Sustainable Development Goals: The gender snapshot 2023*.
- UNDP. (2018). *Gender inequality index report*.
- UNESCO. (2021). *Global education monitoring report: Gender equality*.
- Varga, Z., Dahana, W. D., & Katsumata, S. (2019). Effect of normative and socioeconomic power bases on Japanese marital decision-making authority. *Management Studies*, 7(2), 139-148.
- West, C., & Zimmerman, D. H. (1987). Doing gender. *Gender & Society*, 1(2), 125-151.
- World Bank. (2022). *Gender equality and development report*.
- Zhang, Y., & Ng, C. W. (2022). Gender role attitudes and unpaid care work in East Asia: Continuity and change. *Asian Journal of Women's Studies*, 28(3), 321-339.
- Zheng, D., & Di, J. (2018). Marital power, spousal relationship, and intergenerational support. *The Journal of Chinese Sociology*, 5(14).